

Số: **1405** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **21** tháng **3** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số **980** /TTr-SCT ngày **12** tháng **3** năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 51 thủ tục hành chính lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện; bãi bỏ 47 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thành phố Hà Nội (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính: Từ số 21 đến số 24 lĩnh vực Kinh doanh khí, số 91 đến số 99 lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, số 142 đến số 144 lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực.

Các thủ tục hành chính: Từ số 4 đến số 6 Phần I, số 21 đến số 23 Phần I, số 4 đến số 7 Phần II lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng; số 1 đến số 3 Phần I, số 15 đến số 20 Phần I, số 16 đến số 18 Phần II lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước; số 10 đến số 15 Phần II lĩnh vực Hóa chất tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- CVP, PVP P.C Công, T.V. Dũng;
- Các phòng: NC, KT, TK-BT, TH, KSTTHC;
- Trung tâm tin học công báo TP;
- Công giao tiếp điện tử HN;
- Lưu: VT, SCT, KSTTHC_(Quỹ)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

815 (130)

Phụ lục

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG,
UBND CẤP HUYỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1405 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	2.200.000đ/lần thẩm định/điểm sản xuất	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. 2. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	2.200.000đ/lần thẩm định/điểm sản xuất (chỉ thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung khi thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính	2.200.000đ/lần thẩm định/điểm sản xuất (chỉ thu phí thẩm định)	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày

	lít/năm)	hạn hiệu lực giấy phép cũ) 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng)	Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	đối với trường hợp cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ)	15/11/2016 của Bộ Tài chính.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	2.200.000 /đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. 2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. 5. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định

					mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
5	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	2.200.000 /đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. 5. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	2.200.000 /đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. 5. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
7	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử

					dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định. (Chi thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung khi thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
9	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định. (Chi thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung khi thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
10	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận	Không	1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

			Cầu Giấy, Hà Nội		<p>2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013.</p> <p>3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p>
11	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Không	<p>1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</p> <p>2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</p> <p>3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</p> <p>4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.</p>
12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Không	<p>1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</p> <p>2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</p> <p>3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</p>

					4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.
13	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 qua cổng giao tiếp điện tử UBND thành phố Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<p>1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013.</p> <p>3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>5. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép</p>

					thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
14	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 qua cổng giao tiếp điện tử UBND thành phố Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (chỉ thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung khi thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)	1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. 5. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
15	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 qua cổng giao tiếp điện tử UBND thành phố Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (chỉ thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung khi thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)	1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. 5. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
16	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày

					26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
17	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
19	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định

					mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
20	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
22	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa,

					dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
23	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ. 2. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
Lĩnh vực Kinh doanh khí					
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc doanh nghiệp	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí. 2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí. 3. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân cấp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG

					chai thuộc hộ kinh doanh và hợp tác xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. 4. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc doanh nghiệp	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (trường hợp phải thẩm định lại)	1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ. 2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. 3. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. 4. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
27	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc doanh nghiệp	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định (trường hợp phải thẩm định lại)	1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ. 2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. 3. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. 4. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
28	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết	1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định	1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ.

	kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc doanh nghiệp	hợp lệ	thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	(trường hợp phải thẩm định lại)	2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. 3. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. 4. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
--	--	--------	--	---------------------------------	--

Lĩnh vực Hóa chất

29	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 170/2016/TT-BTC); Từ ngày 12/3/2018: 600.000đ/Giấy chứng nhận (theo Thông tư 08/2018/TT-BTC)	1. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất. 2. Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất (hết hiệu lực ngày 12/3/2018). 3. Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính (hiệu lực từ ngày 12/3/2018 thay thế Thông tư số 170/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính).
30	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 170/2016/TT-BTC); Từ ngày 12/3/2018: 600.000đ/Giấy chứng nhận (theo Thông tư 08/2018/TT-BTC)	1. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính (hết hiệu lực ngày 12/3/2018). 3. Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính (hiệu lực từ ngày 12/3/2018 thay thế Thông tư số

					170/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính).
31	Cấp lại Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 170/2016/TT-BTC); Từ ngày 12/3/2018: 600.000đ/Giấy chứng nhận (theo Thông tư 08/2018/TT-BTC)	1. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính (hết hiệu lực ngày 12/3/2018). 3. Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính (hiệu lực từ ngày 12/3/2018 thay thế Thông tư số 170/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính).
32	Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 170/2016/TT-BTC); Từ ngày 12/3/2018: 600.000đ/Giấy chứng nhận (theo Thông tư 08/2018/TT-BTC)	1. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất. 2. Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất (hết hiệu lực ngày 12/3/2018). 3. Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 (hiệu lực từ ngày 12/3/2018 thay thế Thông tư số 170/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính).
33	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận	1.200.000đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 170/2016/TT-BTC); Từ ngày 12/3/2018:	1. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính (hết hiệu lực ngày 12/3/2018).

	có điều kiện trong ngành công nghiệp		Cầu Giấy, Hà Nội	600.000đ/Giấy chứng nhận (theo Thông tư 08/2018/TT-BTC).	3. Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính (hiệu lực từ ngày 12/3/2018 thay thế Thông tư số 170/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính).
34	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.200.000đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 170/2016/TT-BTC); Từ ngày 12/3/2018: 600.000đ/Giấy chứng nhận (theo Thông tư 08/2018/TT-BTC)	1. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính (hết hiệu lực ngày 12/3/2018). 3. Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính (hiệu lực từ ngày 12/3/2018 thay thế Thông tư số 170/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính).
Tổng số: 34 thủ tục hành chính					

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC- UBND quận, huyện	1.100.000đ/lần thẩm định/điểm sản xuất.	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. 2. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC- UBND quận, huyện	1.100.000đ/lần thẩm định/điểm sản xuất (Chi thu phí thẩm định khi thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường	Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC- UBND quận, huyện	1.200.000đ/lần thẩm định/điểm sản xuất (Chi thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ)	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

		hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng)			
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước					
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. <p><i>(chi thu phí thẩm định khi thương nhân thay</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

				<i>đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)</i>	
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do mất hoặc hỏng)	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.	- Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. <i>(chi thu phí thẩm định khi thương nhân thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)</i>	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
7	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.	- Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện

				doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. <p><i>(chỉ thu phí thẩm định khi thương nhân thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)</i></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
9	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ. 2. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

		mất hoặc hỏng)		doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. (chi thu phí thẩm định khi thương nhân thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)	
10	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. 2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc

					<p>lá.</p> <p>5. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.</p>
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện	<p>- Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>- Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. (chỉ thu phí thẩm định khi thương nhân thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)</p>	<p>1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</p> <p>2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</p> <p>3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</p> <p>4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương.</p> <p>5. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</p>
12	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết	- Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức,	<p>1. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</p> <p>2. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày</p>

			TTHC cấp huyện	doanh nghiệp: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. <i>(chỉ thu phí thẩm định khi thương nhân thay đổi địa điểm kinh doanh hoặc bổ sung địa điểm kinh doanh)</i>	14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 4. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương. 5. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
13	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá bán lẻ sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi của thương nhân phân phối trên địa bàn Hà Nội	Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, nội dung theo quy định, cơ quan tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và gửi ngay theo đường công văn 01 bản cho thương nhân	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện	Không	1. Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. 2. Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. 3. Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Lĩnh vực Kinh doanh khí

14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc hợp tác xã và hộ kinh doanh	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện	- Phí thẩm định đối với hợp tác xã: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với hộ kinh doanh: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí. 2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. 4. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân cấp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc hộ kinh doanh và hợp tác xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện	- Phí thẩm định đối với hợp tác xã: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối	1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ. 2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày

	thuộc hợp tác xã và hộ kinh doanh			với hộ kinh doanh: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. (Đối với trường hợp phải thẩm định lại)	26/10/2016 của Bộ Tài chính. 4. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.
16	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc hợp tác xã và hộ kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện	- Phí thẩm định đối với hợp tác xã: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với hộ kinh doanh: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. (Đối với trường hợp phải thẩm định lại)	1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ. 2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. 4. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.
17	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai thuộc hợp tác xã và hộ kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC cấp huyện	- Phí thẩm định đối với hợp tác xã: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với hộ kinh doanh: 400.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định. (Đối với trường hợp phải thẩm định lại)	1. Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ. 2. Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương. 3. Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. 4. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.
Tổng số: 17 thủ tục hành chính					

B. DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1405 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

I. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực Kinh doanh khí				
1	T-HNO-264507-TT	Số 21 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	Nghị định số 19/2016/NĐ-CP; Thông tư số 03/2016/TT-BCT; Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND
2	T-HNO-264508-TT	Số 22 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
3	T-HNO-264509-TT	Số 23 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán	
4	T-HNO-264510-TT	Số 24 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng				
5		Số 4, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về

6		Số 5, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	kinh doanh rượu
7		Số 6, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
8	T-HNO-264558-TT	Số 4, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá
9	T-HNO-264606-TT	Số 5, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
10	T-HNO-264559-TT	Số 6, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
11	T-HNO-264611-TT	Số 7, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước				
12		Số 1, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
13		Số 2, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu	
14		Số 3, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	
15	T-HNO-264654-TT	Số 1, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống
16	T-HNO-264658-TT	Số 2, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
17	T-HNO-264656-TT	Số 3, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	

				tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá
18	T-HNO-264661-TT	Số 91 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
19		Số 92 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
20	T-HNO-264672-TT	Số 93 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
21	T-HNO-264680-TT	Số 94 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
22	T-HNO-264683-TT	Số 95 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
23	T-HNO-264681-TT	Số 96 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
24	T-HNO-264682-TT	Số 97 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
25	T-HNO-264685-TT	Số 98 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
26	T-HNO-264684-TT	Số 99 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
Lĩnh vực Hóa chất				

27	T-HNO-264531-TT	Số 10, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
28	T-HNO-264532-TT	Số 11, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	
29	T-HNO-264533-TT	Số 12, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	
30	T-HNO-264534-TT	Số 13, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	
31	T-HNO-264535-TT	Số 14, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	
32	T-HNO-264536-TT	Số 15, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	
Tổng số: 32 thủ tục hành chính				

II. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng				
1		Số 21, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
2		Số 22, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
3		Số 23, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước				
4		Số 15, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
5		Số 16, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
6		Số 17, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	
7		Số 18, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
8		Số 19, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	
9		Số 20, Phần I tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	
10	T-HNO-265119-TT	Số 16, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013
11	T-HNO-265120-TT	Số 17, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	

12	T-HNO-265121-TT	Số 18, Phần II tại Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 21/12/2017	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá
Tổng số: 12 thủ tục hành chính				



III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
1	T-HNO-265123-TT	Số 142 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
2	T-HNO-265124-TT	Số 143 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	
3	T-HNO-265125-TT	Số 144 tại Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 07/9/2016	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	
Tổng số: 03 thủ tục hành chính				